

VỀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA TRIẾT HỌC MÁC

PHÙNG VĂN THIẾT(*)

Khẳng định giá trị thời đại của triết học Mác với tư cách “công cụ nhận thức vĩ đại”, trong bài viết này, tác giả đã tiến hành luận giải vai trò đó của triết học Mác trong việc lý giải những biến cố của lịch sử nhân loại cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI để từ đó đi đến kết luận: Sở dĩ triết học Mác mang giá trị thời đại là bởi trong bản thân nó đã hàm chứa những đặc trưng cho phép nó đi cùng thời đại. Rằng, triết học Mác đã kế thừa và phát triển sáng tạo những thành tựu của toàn bộ tư tưởng triết học nhân loại; nó là một hệ thống mở, luôn tự đổi mới như một nhu cầu tự thân để đáp ứng sự biến đổi không ngừng của thực tiễn cuộc sống.

Sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng thực sự trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại. Cái mới về chất của triết học Mác, nói một cách vắn tắt, là ở chỗ, với tư cách “một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại”(1). Và, thực tiễn cũng cho thấy rằng, để luận giải đúng thực chất các sự kiện lịch sử trọng yếu đang tham gia quy định diện mạo của thế giới ngày nay, triết học Mác vẫn thực sự là một công cụ nhận thức sắc bén, mang tầm thời đại.

1. Trong cái chiến dịch âm ỉ chống lại chủ nghĩa xã hội do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế phát động gần đây, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu thường được chúng sử dụng như một “bằng chứng thực tế” để bác bỏ giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác, chứng minh cho “sự cáo chung” của triết học Mác.

Tính chất xảo trá và nguy hiểm của những luận điệu trên đây đòi hỏi chúng ta phải đáp trả bằng những luận cứ khoa học xác đáng.

Như chúng ta đã biết, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử là một trong hai phát kiến vĩ đại của C.Mác. Ở đó, khác về nguyên tắc và đối lập với các quan niệm

truyền thống, bằng việc áp dụng và mở rộng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào lĩnh vực xã hội, C.Mác đã phát hiện ra tiền đề đầu tiên, chân chính của lịch sử nhân loại là những con người hiện thực, mà đặc trưng quyết định là việc con người sản xuất xã hội ra đời sống vật chất của chính mình. Và, khi vận dụng một cách đúng đắn phép biện chứng duy vật vào phân tích quá trình sản xuất vật chất ấy, C.Mác đã chỉ ra rằng, nguồn gốc sâu xa, suy đến cùng của mọi hiện tượng xã hội - lịch sử (như đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội,...) và do vậy, cũng là động lực cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội chính là cái mâu thuẫn vẫn luôn nảy sinh và đòi hỏi phải được giải quyết giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Cuối cùng, khi áp dụng những thành quả nghiên cứu trên đây vào phân tích một xã hội cụ thể, nhưng rất điển hình là xã hội tư bản, theo phương pháp “đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất”(2), C.Mác đã đi đến một tư tưởng thiên tài – tư tưởng

(*) Phó giáo sư, Tiến sĩ, Chủ nhiệm Khoa Triết học, Học viện Chính trị Quân sự.

(1) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.23. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tr. 54.

(2) V.I.Lênin, *Sđd.*, t.1, tr.163.

khẳng định "sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"(3). Theo logic nội tại của tư tưởng thiên tài này, chúng ta không thể không đi đến một nguyên lý có tính chất vạch thời đại là, trong khi phát triển đầy đủ nhất những đặc trưng bản chất của mình, chủ nghĩa tư bản cũng đồng thời tạo ra những tiền đề cho sự diệt vong tất yếu của nó, cho sự thay thế nó bằng chủ nghĩa xã hội.

Đó chính là thực chất quan niệm duy vật biện chứng của C.Mác về lịch sử. Quan niệm này đã được V.I.Lênin hiện thực hoá một cách sáng tạo bởi Cách mạng Tháng Mười và qua đó, mở ra cả một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Lịch sử nhân loại đã ghi nhận rằng, hơn 70 năm tồn tại và phát triển với tư cách một hệ thống, chủ nghĩa xã hội đã tỏ rõ là một chế độ xã hội tốt đẹp nhất mà loài người từng biết đến, góp phần to lớn và nhiều khi có ý nghĩa quyết định vào việc hiện thực hoá các mục tiêu cơ bản của thời đại. Chính vì thế, sự sụp đổ của nó đã trở thành một sự kiện bi thảm nhất của thế kỷ XX, một thất bại to lớn và cay đắng của nhân loại tiến bộ. Trong bối cảnh ấy, không ít người trong số chúng ta đã bắt đầu tỏ ra hoài nghi về tính hiện thực của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội. Do vậy, chúng ta cần phải có một quan niệm đúng đắn về những sự biến vẫn thường diễn ra trong tiến trình lịch sử. Bối cảnh biện chứng của lịch sử đã chỉ ra rằng, với tư cách là kết quả của quá trình tìm tòi và thử nghiệm các mô hình, với tính chất của cuộc đấu tranh nhằm chuyển hoá giữa cái cũ thành cái mới, một cuộc chiến đấu một mất một còn giữa cách mạng và phản cách mạng, sự ra đời của chế độ mới không bao giờ là một quá trình suôn sẻ, trơn tru. Do phụ thuộc một cách tổng hoà, cùng một lúc

vào nhiều nhân tố, cả khách quan lẫn chủ quan, nhiều khi chế độ mới phải tạm thời lùi bước, thậm chí thất bại. Lịch sử các cuộc cách mạng tư sản, mà điển hình là Cách mạng tư sản Pháp, đã diễn ra đúng như vậy. Phải trải qua gần 60 năm (1789 - 1848) với vô số biến cố thăng trầm, được dựng lên rồi lại đổ, nền Cộng hòa tư sản Pháp mới được xác lập hoàn toàn trên mảnh đất hiện thực của nó. Một cuộc cách mạng mà mục tiêu của nó chỉ là nhằm thay đổi một chế độ bóc lột này bằng một chế độ bóc lột khác mà đã là như vậy, thì một cuộc cách mạng với mục tiêu cao cả như cách mạng xã hội chủ nghĩa lại càng có thể như vậy và còn hơn thế nữa.

Dương nhiên, chúng ta không cố tình biện hộ cho những thất bại vừa qua của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đầu thập niên 90 của thế kỷ XX và càng không cố tình lảng tránh trách nhiệm của mình trước lịch sử. Nghiên cứu một cách nghiêm túc sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, Đảng ta đã chỉ ra hai loại nguyên nhân: sâu xa và trực tiếp.

Nguyên nhân sâu xa là, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thành tựu vĩ đại, chúng ta đã chậm phát hiện và khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm to lớn về mô hình. Không thể phủ nhận vai trò vĩ đại của mô hình "chủ nghĩa xã hội thời chiến", - nếu có thể gọi như vậy, - với đặc trưng nổi bật của nó là ưu tiên cao độ cho nguyên tắc tập trung trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đối với sự tồn vong của chủ nghĩa xã hội trong các thời khắc hiểm nguy của lịch sử. Nhưng, việc duy trì quá lâu và "phổ biến hoá" một cách duy ý chí mô hình này như là một mô hình của chủ nghĩa xã hội nói chung, bất

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.23. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.21.

chấp tính đặc thù của các dân tộc và điều kiện lịch sử mới, đã làm triệt tiêu nhiều động lực vốn có và cơ bản của chủ nghĩa xã hội, dẫn nó đến chỗ bảo thủ, trì trệ. Không chỉ C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhiều lần nhắc nhở, mà bản thân V.I.Lênin, ngay trước Cách mạng Tháng Mười cũng đã lưu ý rằng, "chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, *thì kinh nghiệm của hàng triệu con người* sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động"(4). Nói cách khác, những sai lầm, khuyết tật đó không xuất phát từ bản chất của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội, mà bắt nguồn từ việc vi phạm những nguyên tắc biện chứng - "linh hồn sống" của chủ nghĩa Mác - trong quá trình xây dựng và ứng dụng mô hình hiện thực của chủ nghĩa xã hội.

Cùng với nguyên nhân sâu xa trên đây, những sai lầm rất nghiêm trọng về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng Cộng sản Liên Xô trong quá trình cải tổ là *nguyên nhân trực tiếp* dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Thực tiễn lịch sử đã chỉ ra rằng, cải tổ, cải cách, đổi mới là tất yếu, nhưng sụp đổ thì không tất yếu. Sai lầm có tính nguyên tắc của quá trình cải tổ là ở chỗ, Đảng Cộng sản Liên Xô đã để cho một số người theo đường lối xét lại, phản bội chủ nghĩa Mác nắm giữ những chức vụ cao nhất. Chính họ là những kẻ đã thao túng cơ quan lãnh đạo đảng, vô hiệu hoá sức chiến đấu của các tổ chức đảng và hàng chục triệu đảng viên. Tình hình ấy, đến lượt nó, đã đem đến cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động những thời cơ vô cùng thuận lợi để nhanh

chóng đạt được mục tiêu xoá bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Luận điệu tuyên truyền về "sự cáo chung" của chủ nghĩa Mác rõ ràng là hoàn toàn vô căn cứ. Nhưng qua đó, bài học về việc nâng cao bản lĩnh chính trị, tầm cao trí tuệ và tính năng động, sáng tạo của các đảng cộng sản và công nhân trong việc vận dụng học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội vào quá trình cải cách và đổi mới ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết đối với tương lai và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

2. Liên quan một cách hữu cơ với vấn đề trên đây là vấn đề phải nhận thức như thế nào cho đúng về bản chất và tiền đề của chủ nghĩa tư bản hiện nay?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải vận dụng phép biện chứng của triết học Mác vào việc làm rõ những mối quan hệ, những phương thức đã và đang quy định sức sống của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Không phải ai khác mà chính C.Mác là người đã phát hiện ra rằng, khác với tất cả các chế độ tư hữu đã tồn tại trước đó, chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa được hiện thực hoá thông qua việc mua bán, sử dụng một loại hàng hoá đặc biệt - hàng hoá sức lao động. Tính chất đặc biệt của loại hàng hoá này là ở chỗ, quá trình nhà tư bản sử dụng nó cũng đồng thời là quá trình nó sinh ra giá trị. Để quá trình sử dụng loại hàng hoá này sinh ra cho nhà tư bản một lượng giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó - giá trị thặng dư, giai cấp tư sản phải sử dụng nhiều phương thức. Lúc đầu là kéo dài ngày lao động, sau đó là cải tiến công cụ lao động, hợp lý hoá dây chuyền sản xuất, thay đổi công nghệ... Đó chính là nguồn gốc và phương thức chiếm đoạt giá trị thặng dư của giai cấp tư sản. Trước đây đã là thế, hiện nay lại càng là như thế.

(4) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.34. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr. 152 - 153.

Nhưng, giai cấp tư sản hiện nay lại cố tình bác bỏ sự thật này. Các lý luận gia tư sản đã cố tình tỏ ra khách quan khi nhận xét rằng, học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác có thể đúng trong thời đại công nghiệp, nhưng không còn phù hợp với thời đại hậu công nghiệp, thời đại của kinh tế tri thức. Họ lập luận rằng, trong nền kinh tế tri thức, lượng lao động sống phải sử dụng trong quá trình sản xuất ngày càng ít đi, nhưng năng suất lao động vẫn không ngừng tăng lên; sự giàu có của những ông chủ tư sản, theo họ, không phải chủ yếu nhờ vào sự bóc lột công nhân như trước đây, mà là do đầu óc sáng tạo và nhanh nhạy phát hiện kỹ thuật mới, do tài quản lý và sử dụng chất xám đem lại. Rằng, lập luận của C.Mác coi lao động sống như là nguồn duy nhất của giá trị và giá trị thặng dư, coi giá trị thặng dư là phần giá trị làm ra ngoài giá trị sức lao động của người công nhân bị nhà tư sản chiếm đoạt, cũng vì thế mà đã trở nên lỗi thời. Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, cũng như cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp này cũng dần bị tiêu vong do mất đi tính tất yếu kinh tế, v.v. và v.v..

Điều đó là không đúng, bởi, *một mặt*, lao động sống theo quan điểm của C.Mác, áp dụng vào nền kinh tế tri thức, chính là lao động của một cộng đồng người, bao gồm cả lao động của một bộ phận công nhân truyền thống (trực tiếp điều khiển máy móc) và công nhân trí thức – những người tham gia vào quá trình phát minh, sáng chế, thiết kế, chế tạo thiết bị tự động hóa và cả các nhân viên quản lý kinh doanh; *mặt khác*, trong nền kinh tế tri thức, thông tin, tri thức và các sản vật phần mềm đều là sản phẩm lao động và đều có giá trị, đều thuộc tư liệu sản xuất. Những tư liệu sản xuất này thì bản thân nhà tư sản không làm ra được, còn C.Mác cũng chưa bao giờ phủ nhận vai trò đặc

biệt của tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư, mặc dù nó không phải là nguồn gốc của giá trị thặng dư. Tóm lại, nền kinh tế tri thức trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản đương đại không những không làm thay đổi nguồn gốc của giá trị thặng dư, mà còn không làm thay đổi bản chất bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Có điều, cả lý luận và thực tiễn lịch sử đều cho thấy rằng, quá trình làm cho lực lượng sản xuất phát triển theo hướng xã hội hoá trên đây cũng chính là quá trình hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa theo hướng tư nhân hoá. Mâu thuẫn vốn có của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không những không giảm đi trong quá trình áp dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, mà trái lại, còn ngày càng gay gắt. Để làm chậm lại những bùng nổ về mặt xã hội đang ngày càng đến gần, giai cấp tư sản buộc phải tiến hành các cuộc "điều chỉnh". Lúc đầu, trong thời kỳ còn đang hưng thịnh của mình, giai cấp tư sản tiến hành "điều chỉnh" chủ yếu bằng cách hạ thấp tốc độ tăng trưởng quá nóng của lực lượng sản xuất thông qua các đòn bẩy kinh tế. Nhưng, khi nền sản xuất đã đạt giới hạn của sự tăng trưởng và bắt đầu có chiều hướng suy thoái, như hầu hết các nước tư bản phát triển hiện nay, giai cấp tư sản chủ yếu sử dụng phương thức điều chỉnh các quan hệ sản xuất hiện có.

Vấn đề là ở chỗ, hãy xem thực chất và giới hạn của sự điều chỉnh ấy là như thế nào?

Dễ thấy rằng, một trong những điều chỉnh lớn nhất và có ý nghĩa nhất trong quá trình tổ chức lại sản xuất ở các nước tư bản hiện nay là sự ra đời của hàng loạt các công ty cổ phần, với rất nhiều dạng, loại

hình khác nhau. Có loại thuộc một "tập thể" các nhà tư bản của một nước hoặc nhiều nước (công ty xuyên quốc gia). Có loại "trực tiếp mang hình thái tư bản xã hội... đối lập với tư bản tư nhân" như C.Mác đã nói; lại có cả loại "nửa nọ nửa kia" với sự tham gia của người lao động. Nhưng, vô luận thế nào, tất cả các loại hình đó vẫn là "những hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể"(5). Và, với những sự "điều chỉnh" như thế, chủ nghĩa tư bản đã khoác lên mình một diện mạo mới, mà nếu thoát nhìn, nhiều người lầm tưởng như nó đã thay đổi hẳn bản chất, đang bước vào "tuổi thanh xuân", thậm chí còn coi nó chính là một giai đoạn của chủ nghĩa xã hội!

Ở đây, cần nhấn mạnh một điều, chủ nghĩa tư bản không thể tự mình thay đổi bản chất, cũng như chủ nghĩa xã hội không thể tự phát ra đời từ trong lòng chủ nghĩa tư bản. Những "điều chỉnh" của chủ nghĩa tư bản, nhiều nhất, theo C.Mác, chẳng qua cũng chỉ là "sự thủ tiêu tư bản với tư cách là sở hữu tư nhân ở trong giới hạn của bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa"(6). Những giới hạn của bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà bất cứ sự "điều chỉnh" nào cũng không thể vượt qua được ấy chính là chế độ tư hữu tư bản và quyền chiếm đoạt giá trị thặng dư phải thuộc về giai cấp tư sản.

Thực tế lịch sử đã cho thấy rằng, không phải là giai cấp tư sản ở các nước "tư bản văn minh" hiện nay không quan tâm đến việc chiếm đoạt giá trị thặng dư nữa, mà là phương thức chiếm đoạt giá trị thặng dư đã mang tính toàn cầu. Theo báo cáo của Quỹ phát triển Liên hợp quốc (UNDP), thu nhập bình quân đầu người của 20 nước giàu nhất thế giới so với 20 nước nghèo nhất thế giới đã tăng lên 74 lần trong thời gian từ đầu đến

cuối thế kỷ XX. Tỷ suất bóc lột giá trị thặng dư cũng không ngừng tăng lên và hiện đã đạt mức kỷ lục 500%. Trong 20 năm, kể từ 1980, số quốc gia bị liệt vào hàng những nước kém phát triển nhất đã tăng từ 25 lên 50 và tổng sản phẩm quốc nội của tất cả các nước này cộng lại hàng năm chỉ bằng tổng giá trị tài sản của 5 tỷ phú giàu nhất nước Mỹ(7). Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - mâu thuẫn giữa tư bản và lao động - không hề mất đi trong quá trình "điều chỉnh", mà trái lại, còn bị khoét sâu thêm và mở rộng ra trên phạm vi toàn cầu. Và, thực tiễn cũng đang cho thấy, để giải quyết những mâu thuẫn này thì không thể lảng tránh được những cuộc đấu tranh mà nếu xét theo phương pháp tiếp cận của C.Mác, chính là những cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc giữa một bên là giai cấp công nhân và nhân dân lao động với giai cấp tư sản đang chi phối quá trình toàn cầu hoá. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh này sẽ không thể là gì khác ngoài các cuộc cách mạng xã hội - những cuộc cách mạng xã hội với đúng nghĩa mà C.Mác đã quan niệm, nhưng có thể sẽ được tiến hành với những phương thức không hoàn toàn như trước đây - nhằm xoá bỏ tận gốc mọi áp bức, bóc lột.

3. Triết học Mác, sở dĩ có giá trị thời đại, bởi bản thân nó hàm chứa những đặc trưng cho phép nó đi cùng thời đại. Ý nghĩa lịch sử của triết học Mác sở dĩ có được, trước hết là do các nhà sáng lập nó đã kế thừa và phát triển sáng tạo những thành tựu của toàn bộ tư tưởng triết học nhân loại trước đó. Nhưng, giá trị thời đại của triết học Mác sở dĩ trở thành hiện thực, *một mặt*, là do các nhà sáng lập nó

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.25, Ph.I. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 673.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđđ.*, tr. 667.

(7) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. *Nhận dạng các quan điểm sai trái thù địch*. Hà Nội, 2005, tr. 57.

đã biến nó thành một hệ thống mở bằng cách thổi vào đó một "linh hồn sống"; *mặt khác*, là do những người kế tục trung thành luôn biết làm mới nó, trước hết như là một nhu cầu tự thân, sau đó là để phù hợp với sự biến đổi không ngừng của hiện thực khách quan, và cuối cùng, là để đáp ứng vai trò ngày càng tăng của nó đối với thực tiễn cuộc sống. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen đã luôn nhắc nhở chúng ta rằng, học thuyết của các ông không phải là một giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động. Theo đó và trên tinh thần đó, V.I.Lênin đã có những cống hiến xuất sắc vào việc bảo vệ và phát triển toàn diện triết học Mác.

Thời đại ngày nay rõ ràng là đã có những thay đổi to lớn, không chỉ so với thời đại của C.Mác và Ph.Ăngghen, mà ngay cả với giai đoạn V.I.Lênin. Ngoài hai sự kiện mà chúng ta đã phân tích trên đây, phải kể đến hàng loạt sự kiện quan trọng khác nữa, như sự phát triển với tốc độ vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đi liền với nó là quá trình toàn cầu hoá và sự xuất hiện của kinh tế tri thức; sự khủng hoảng của loại mô hình "nhà nước phúc lợi chung" ở Tây Âu và sự vượt lên của các phong trào cánh tả ở "sân sau" của chủ nghĩa đế quốc; vấn đề xung đột giữa các nền văn hoá và văn minh, sắc tộc và tôn giáo, đi liền với nó là sự nảy sinh của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và hiểm hoạ của một cuộc chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao...

Theo đó, để thực sự có thể "nắm bắt thời đại bằng tư tưởng" (theo cách nói của Hêghen) thì triết học Mác cần thiết phải có những sự bổ sung và phát triển tương ứng. Nội dung, tầm vóc của những vấn đề cần bổ sung, phát triển có thể là hết sức khác nhau, tùy theo từng trường hợp. Đó có thể là những vấn đề triết học mà C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, vì những lý do khác nhau, chưa có

điều kiện và thời cơ để giải quyết hoặc giải quyết chưa trọn vẹn (chẳng hạn như những vấn đề về tâm thức, logic biện chứng hay phương thức sản xuất châu Á...). Đó cũng có thể là những vấn đề triết học mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã giải quyết đúng đắn trên phương diện lý luận - phương pháp luận cơ bản, nhưng chưa có điều kiện làm rõ những biểu hiện cụ thể, sinh động của nó (ví dụ như các kiểu thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, các mô hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực, vấn đề khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hoặc quá trình diệt vong của chủ nghĩa tư bản với tư cách chế độ tư hữu cuối cùng nhưng hoàn thiện nhất, vấn đề sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội...). Bên cạnh đó, còn có cả những vấn đề nhận thức lại (cho đúng) những tư tưởng kinh điển, nghiên cứu hợp lý hoá cấu trúc, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng truyền bá triết học Mác trong thời đại mới.

Như vậy, có thể khẳng định, bổ sung, phát triển triết học Mác không có nghĩa là phủ định nó, mà là tiếp tục làm sáng tỏ và khẳng định ý nghĩa lịch sử vĩ đại và giá trị thời đại của nó. Cũng vì thế, trong quá trình này, cần tránh và cảnh giác với những biểu hiện cực đoan, lệch lạc: hoặc là núp dưới chiêu bài "bổ sung, phát triển" triết học Mác để bác bỏ những nguyên lý cơ bản của nó, thay vào đó bằng những tư tưởng, quan điểm của chủ nghĩa cơ hội, xét lại; hoặc là núp dưới khẩu hiệu "chống chủ nghĩa giáo điều" để "khái quát", cắt xén, thêm bớt một cách tùy tiện những nguyên lý cơ bản của triết học Mác, làm mất đi bản chất cách mạng và khoa học vốn có của nó. Thực tiễn cho thấy, những khuynh hướng tư tưởng trên đây đã và đang trở thành một thực tế, đặc biệt nguy hiểm, và vì thế, chúng ta phải có sự cảnh giác, để phòng đủ mức cần thiết. □